| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 198/2024/DS-ST<br>Ngày: 30-12-2024<br>V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Châu Nữ Thu Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Bùi Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 749/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về việc "*tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2024/QĐXXST-DS ngày 13/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 411/2024/QĐST-DS ngày 05/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ trụ sở: Số D, đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, sinh năm 1976;

Địa chỉ: D N, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, sinh năm 1986 và ông Lương Duy T1, sinh năm 1988; (Ông T có mặt, ông T1 vắng mặt)

Địa chỉ: I C, Phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền số 15/2023/GUQ-PL&TT ngày 22/02/2023 và văn bản ủy quyền số 206/2024/GUQ-AMC ngày 13/11/2024).

- *Bị đơn*: Ông Đào Quốc T2, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Lê Minh T trình bày:***

Ngày 19/4/2017, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Đào Quốc T2 có ký hợp đồng tín dụng số PHVH.CN.01190417, theo đó Ngân hàng cho ông T2 vay số tiền 990.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay mua xe ô tô Mazda 6, lãi suất trong hạn 8,5%/năm (cố định trong 12 tháng đầu kể từ ngày vay vốn, chu kỳ thay đổi lãi suất 3 tháng/lần, lãi suất vay = lãi suất cơ bản + 4%/năm), lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn x 10%, chậm trả lãi bằng lãi chưa thanh toán x 10%. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã trả được 12 kỳ với tổng số tiền gốc là 130.232.634 đồng, tiền lãi 78.584.326 đồng.

Tạm tính từ ngày 20/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2024, ông T2 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 859.785.366 đồng, tiền lãi trong hạn là 667.489.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 318.313.042 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 235.993.866 đồng. Tổng cộng số tiền nợ phải thanh toán là 2.081.581.402 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông T2 có thế chấp xe ô tô MAZDA 6, biển kiểm soát 66A-050.78, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011134 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/4/2017 cho ông Đào Quốc T2 theo Hợp đồng thế chấp số PHVH.HĐTC.46180417 ngày 19/4/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay Ngân hàng TMCP V có ông Lê Minh T là người đại diện hợp pháp yêu cầu ông Đào Quốc T2 trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/12/2024 là 2.081.581.402 đồng và phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 31/12/2024 đến khi trả xong nợ.

Trong trường hợp ông Đào Quốc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tại hợp đồng thế chấp nêu trên để thi hành án theo quy định pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp sẽ được sử dụng để thanh toán nợ, trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán ông T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn.

***Bị đơn:*** Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Đào Quốc T2 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T2 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản. Nơi cư trú của bị đơn tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Đào Quốc T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn yêu cầu ông Đào Quốc T2 trả số tiền còn nợ theo hợp đồng đã ký số PHVH.CN.01190417 ngày 19/4/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2024 với tổng số tiền gốc và lãi là 2.081.581.402 đồng và trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng này từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/12/2024) cho đến khi ông T2 thanh toán xong nợ. Trong trường hợp ông T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số PHVH.CN.01190417 ngày 19/4/2017, khế ước nhận nợ số PHVH.CN.01190417/KUNN-01 ngày 20/4/2017 và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số PHVH.HĐTC.46180417 ngày 19/4/2017 thể hiện: Ông Đào Quốc T2 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Thành phố H – Phòng G, số tiền gốc cho vay là 990.000.000 đồng, giải ngân ngày 20/4/2022, thời hạn vay là 84 tháng (từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/4/2024), mục đích vay mua xe ô tô MAZDA 6, lãi suất cho vay là 8,5%/năm (cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền), từ tháng 13 trở đi, chu kỳ thay đổi lãi suất 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất cơ sở (do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ áp dụng tại thời điểm điều chỉnh lãi suất) + biên độ 4%/năm, lãi suất tại kỳ thay đổi tiếp theo không thấp hơn lãi suất của kỳ điều chỉnh trước đó, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Toàn bộ nghĩa vụ trả khoản vay trên được đảm bảo thực hiện bằng việc thế chấp tài sản là xe ô tô con MAZDA 6, biển kiểm soát 66A-050.78, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011134 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 14/4/2017 cho ông Đào Quốc T2.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực

hiện. Đối với hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ (nay là Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên công nhận hiệu lực của các hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đào Quốc T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/4/2024.

Theo Bảng kê tính lãi tiền vay đến ngày 30/12/2024 và lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn thì ông Đào Quốc T2 còn nợ nguyên đơn tiền gốc 859.785.366 đồng, tiền lãi trong hạn là 667.489.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 318.313.042 đồng, tiền lãi chậm trả lãi 235.993.866 đồng. Tổng cộng số tiền nợ phải thanh toán là 2.081.581.402 đồng.

Cách thức tính lãi, mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

Do đó, căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ông Đào Quốc T2 phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền còn thiếu như nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc ông Đào Quốc T2 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tổng cộng là 2.081.581.402 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/12/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

Trong trường hợp ông Đào Quốc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.631.628 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 299, Điều 303, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Đào Quốc T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số PHVH.CN.01190417 ngày 19/4/2017, khế ước nhận nợ số PHVH.CN.01190417/KUNN-01 ngày 20/4/2017, gốc và lãi là 2.081.581.402 đồng (trong đó nợ gốc 859.785.366 đồng, tiền lãi trong hạn là 667.489.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 318.313.042 đồng, tiền lãi chậm trả lãi trong hạn 235.993.866 đồng).

Ông Đào Quốc T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/12/2024 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông Đào Quốc T2 phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trong trường hợp ông Đào Quốc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký

kết thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số PHVH.HĐTC.46180417 ngày 19/4/2017 để thi hành án theo quy định pháp luật.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số PHVH.CN.01190417 ngày 19/4/2017, khế ước nhận nợ số PHVH.CN.01190417/KUNN-01 ngày 20/4/2017; trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi phát mãi nhiều hơn nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V thì ông T2 được nhận lại số tiền còn dư này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đào Quốc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.631.628 đồng đồng. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.589.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012712 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKS ND TPCL;
- CC THADS TPCL,
(khi có hiệu lực);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nữ Thu Hân**